

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 92/2020/DS-PT

Ngày 08-5-2020

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Huân và bà Lưu Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2020/TLPT-DS ngày 12/02/2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 96/2020/QĐ-PT ngày 11/3/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu S, sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà S: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1995 - Địa chỉ: Đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Cao Thúy D, sinh năm 1969, địa chỉ: đường B, thôn T, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần D1, sinh năm: 1956, địa chỉ: Thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Bà Trần Minh U - Sinh năm: 1988, địa chỉ: Đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Cao Thúy D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/9/2019 và quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết từ năm 2011 đến năm 2018, bà Phạm Thị Thu S đã nhiều lần cho vợ chồng bà Cao Thúy D và ông Hoàng Duy K (đã chết khoảng đầu năm 2019) vay tiền. Đến ngày 12/9/2019, bà Cao Thúy D ký giấy xác nhận đã vay của bà Phạm Thị Thu S tổng số tiền là 976.000.000 đồng (Chín trăm bảy mươi sáu triệu đồng). Giấy xác nhận nợ ngày 12/9/2019 thay thế cho tất cả các giấy vay tiền của bà D từ năm 2011 đến năm 2018. Hiện bà Phạm Thị Thu S chỉ giữ bản gốc giấy vay xác nhận nợ ngày 12/9/2019. Đối với các giấy tờ về các lần cho vay cụ thể thì hiện nay bà S không nhớ đã để ở đâu nên không thể cung cấp cho Tòa án.

Mặc dù bà Phạm Thị Thu S đã nhiều lần tạo điều kiện gia hạn thời gian trả nợ nhưng đến nay bà Cao Thúy D vẫn chưa trả cho bà S bất cứ khoản tiền nợ gốc nào trong tổng số tiền 976.000.000 đồng. Bà S đã nhiều lần yêu cầu bà Cao Thúy D trả lại toàn bộ số tiền đã vay nhưng bà D không trả tiền. Do vậy, bà Phạm Thị Thu S đã khởi kiện bà Cao Thúy D, đề nghị Tòa án buộc cá nhân bà Cao Thúy D trả lại cho bà Phạm Thị Thu S toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay là 976.000.000 đồng, bà S không yêu cầu tính lãi suất.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Cao Thúy D trình bày: Do có quan hệ quen biết với bà Phạm Thị Thu S. Từ năm 2011 đến năm 2018, tôi và chồng tôi là ông Hoàng Duy K (chết đầu năm 2019) có vay tiền của bà S nhiều lần. Đến ngày 12/9/2019 tôi có ký giấy xác nhận nợ tổng số tiền mà tôi đã vay là 976.000.000 đồng. Chữ ký trong giấy xác nhận nợ là của tôi. Khi vay tôi không thể chấp tài sản gì cho bà S. Giấy xác nhận nợ ngày 12/9/2019 thay thế cho tất cả các giấy vay tiền giữa tôi với bà S từ năm 2011 cho đến năm 2018.

Nay bà S khởi kiện tôi có trách nhiệm trả số tiền 976.000.000 đồng thì tôi đồng ý. Tuy nhiên, do điều kiện khó khăn nên tôi xin khi nào bán đất được thì tôi trả cho bà S.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Trần Minh U trình bày: Bà là con của bà Phạm Thị Thu S. Ngày 05/5/2017 bà U có đưa cho bà Cao Thúy D số tiền 93.000.000 đồng. Tuy nhiên số tiền trên là tiền của bà Phạm Thị Thu S nhờ bà đưa dùm cho bà D vì bà D vay số tiền trên. Khi vay thì bà D có viết giấy vay tiền và có chữ ký của bà D. Việc bà D ghi nội dung vay của U là do bà U đi đưa tiền dùm chứ thực tế số tiền trên là của bà S. Vì vậy, bà S khởi kiện bà D bao gồm số tiền 93.000.000 đồng là đúng, bà U hoàn

toàn không có ý kiến gì và không có quyền lợi, nghĩa vụ gì đối với số tiền này. Nên bà từ chối tham gia tố tụng trong vụ án.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần D1 trình bày: Tôi là chồng của bà Phạm Thị Thu S, do có mối quan hệ quen biết từ năm 2011 đến năm 2018 nên vợ tôi bà Phạm Thị Thu S có cho vợ chồng bà Cao Thúy D, ông Hoàng Duy K vay nhiều lần tiền. Việc bà S cho vợ chồng bà D, ông K vay là tiền riêng của bà S nên tôi cũng không biết và không hỏi. Việc vay tiền giữa bà D, ông K và bà S thỏa thuận vay bao nhiêu, vay như thế nào thì tôi cũng không biết chỉ đến khi tôi nghe mọi người nói vợ chồng bà D, ông K làm ăn thua lỗ nên tôi hỏi vợ tôi bà S thì bà S nói có cho vợ chồng D, K mượn tiền và vợ chồng D, K hứa bán đất để trả. Tuy nhiên đến nay bà D, ông K vẫn chưa trả cho bà S.

Nay ông K chết bà S khởi kiện yêu cầu một mình bà D trả nợ cho bà S thì tôi cũng không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do bận công việc nên tôi xin từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 267; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu S.

Buộc bị đơn bà Cao Thúy D có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Thu S số tiền 976.000.000 đồng tiền gốc. Bà Phạm Thị Thu S không yêu cầu tính lãi suất.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn chậm thi hành án.

Ngoài ra, tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/12/2019, bị đơn bà Cao Thúy D kháng cáo với nội dung: Bà đồng ý trả nợ cho nguyên đơn nhưng xin trả dần vì hiện nay chồng bà đã mất và điều kiện khó khăn nên chưa có khả năng trả nợ cho bà S.

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện viện kiểm sát phân tích, đánh giá tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy nội dung kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở nên đề

ngợi Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 130/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về hình thức: Bị đơn bà Cao Thúy D kháng cáo trong thời hạn luật định. Đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Thị Thu S vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của bà S là bà Nguyễn Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do vậy căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút đơn kháng cáo; các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung: Giữa nguyên đơn bà Phạm Thị Thu S và bị đơn bà Cao Thúy D có mối quan hệ quen biết nên từ năm 2011 đến năm 2018, vợ chồng bà D, ông K có vay của bà S số tiền tổng cộng là 976.000.000 đồng. Đến ngày 12/9/2019, giữa bà S và bà D có viết giấy xác nhận nợ và bà D cũng thừa nhận còn nợ của bà S số tiền 976.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà D cũng thừa nhận số nợ trên. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà Cao Thúy D có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Thu S số tiền nợ gốc là 976.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn về việc đề nghị xin trả dần khoản nợ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, giữa nguyên đơn bà S và bị đơn bà D có mối quan hệ vay tài sản với nhau. Bà D thừa nhận còn nợ bà S số tiền 976.000.000 đồng và hiện tại không có khả năng trả ngay cho bà S nên xin được trả dần. Xét thấy, khi đến hạn trả nợ, bị đơn vẫn không thực hiện việc trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, bà D xin được trả dần số nợ trên nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Ngoài ra, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt người đại diện nguyên đơn cho rằng bà S đã nhiều lần tạo điều kiện gia hạn thời gian trả nợ nhưng bà D vẫn không trả, nên không đồng ý với nội dung kháng cáo của bà D. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn. Cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 130/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Cao Thúy D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà D đã nộp theo biên lai số AA/2019/0005618 ngày 30/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Cao Thúy D.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 130/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu S.

Buộc bà Cao Thúy D phải có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Thu S số tiền nợ gốc 976.000.000 đồng (*chín trăm bảy mươi sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Thúy D phải chịu 41.280.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phạm Thị Thu S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Phạm Thị Thu S số tiền 20.640.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0004895 ngày 27/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Cao Thúy D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà D đã nộp theo biên lai số AA/2019/0005618 ngày 30/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung